

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3613/VP-VX

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 6 năm 2024

V/v góp ý cho các dự thảo Tờ trình,
Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn
(sự nghiệp) kéo dài và vốn năm
2024 thực hiện CTMTQG giảm
nghèo bền vững

Kính gửi:

- Các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Thông tin và Truyền thông;
tỉnh Sóc Trăng.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu xây dựng dự thảo Tờ trình,
Nghị quyết, trình UBND tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp giữa
năm 2024, gồm:

1. Dự thảo Tờ trình, Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước
(vốn sự nghiệp) chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển sang năm 2024
thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Dự thảo Tờ trình, Nghị quyết điều chỉnh phân bổ vốn ngân sách nhà nước
(vốn sự nghiệp) năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Văn phòng
Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến đóng góp của các thành viên UBND, lãnh đạo
Sở Thông tin và Truyền thông đối với các dự thảo văn bản nêu trên.

Để đảm bảo thời gian trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa
năm 2024, đề nghị các đồng chí nghiên cứu, góp ý kiến bằng văn bản (kể cả ý kiến
thống nhất) và gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước 15 giờ, ngày
21/6/2024 để tổng hợp, có báo cáo tiếp thu, giải trình và hoàn chỉnh các dự thảo văn
bản, trình UBND tỉnh trước 11 giờ, ngày 22/6/2024.

Các dự thảo văn bản được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn
phòng UBND tỉnh tại địa chỉ: "vpub.soctrang.gov.vn", Mục "Góp ý dự thảo văn
bản của UBND tỉnh Sóc Trăng".

(Công văn này thay thế Công văn số 3599/VP-VX ngày 20/6/2024 của Văn
phòng UBND tỉnh Sóc Trăng). lu

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở LĐTBXH;
- Lưu: VT.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Trần Minh Thọ

Số: /TTr-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh phân bổ vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp)
năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo
bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (chi thường xuyên) và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên) của các chương trình mục tiêu quốc gia” và tình hình thực tế triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghị quyết điều chỉnh phân bổ vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (Chương trình), Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành quyết định giao dự toán vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 cho các sở, ngành, chủ đầu tư để tổ chức triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thuộc Chương trình. Trong quá trình triển khai thực hiện, các đơn vị gặp khó khăn do một số nội dung không còn đối tượng, nội dung triển khai hỗ trợ, không đủ điều kiện giải ngân theo quy định. Do đó, việc thực hiện điều chỉnh nguồn vốn để bổ sung dự toán cho các đơn vị có nhu cầu là cần thiết và có khả năng giải ngân trong năm 2024, đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế và đúng theo quy định.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

III. MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH

1. Mục tiêu

Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng nhằm sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn vốn được giao để hỗ trợ hộ nghèo có điều kiện vươn lên thoát nghèo, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống,... đảm bảo đến cuối năm 2024 hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đề ra và giải ngân nguồn vốn thực hiện Chương trình đạt tỷ lệ được Chính phủ giao.

2. Nguyên tắc

- Việc điều chỉnh phân bổ vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định liên quan, nhằm hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đồng thời, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước từ dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định

hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung dự toán thực hiện cho các dự án thành phần khác trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải bảo đảm không vượt quá tổng dự toán ngân sách nhà nước và không thay đổi cơ cấu chi thường xuyên của chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền giao.

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

1. Tổng nguồn vốn sự nghiệp năm 2024 đã phân bổ tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh là: 75.491 triệu đồng (gồm: Vốn ngân sách trung ương: 74.665 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 826 triệu đồng). Trong đó:

1.1. Tổng kinh phí đề nghị điều chỉnh giữa các dự án thành phần là: 9.896,42 triệu đồng (ngân sách trung ương).

1.2. Tổng kinh phí tiếp tục thực hiện (không điều chỉnh): 65.594,58 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 64.768,58 triệu đồng.

- Vốn ngân sách tỉnh: 826 triệu đồng.

2. Nội dung điều chỉnh

Điều chỉnh giảm kinh phí của các nội dung thuộc Dự án 4, Dự án 6, Dự án 7 do không còn đủ đối tượng hoặc nội dung thực hiện để điều chuyển, bổ sung thêm kinh phí cho các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Dự án 2 và Dự án 3, chi tiết như sau:

2.1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo:

- Kinh phí đã phân bổ là **27.195** triệu đồng.

- Có 03 đơn vị có nhu cầu điều chỉnh bổ sung thêm kinh phí thực hiện và 01 đơn vị điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện. Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **28.807,42** triệu đồng, **tăng 1.612,42** triệu đồng (ngân sách trung ương), cụ thể:

+ Tăng 1.030 triệu đồng: Do điều chỉnh vốn từ Tiểu dự án 1, Dự án 4 và Tiểu dự án 1, Dự án 6 của thị xã Ngã Năm chuyển sang.

+ Tăng 767,42 triệu đồng: Do điều chỉnh vốn từ Tiểu dự án 1, Dự án 4 và Tiểu dự án 1, Dự án 7 của huyện Mỹ Tú chuyển sang.

+ Tăng 788 triệu đồng: Do điều chỉnh vốn từ Tiểu dự án 1, Dự án 4 của huyện Cù Lao Dung chuyển sang.

+ Giảm 973 triệu đồng của thành phố Sóc Trăng do không còn đủ đối tượng thực hiện để điều chuyển bổ sung thêm cho các đơn vị khác thực hiện các nội dung phát triển sản xuất.

2.2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

Điều chỉnh vốn Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Kinh phí đã phân bổ là **11.242** triệu đồng.

- Có 10 đơn vị có nhu cầu điều chỉnh bổ sung thêm kinh phí thực hiện và 01 đơn vị điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện. Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **17.854** triệu đồng, **tăng 6.612** triệu đồng (ngân sách trung ương), cụ thể:

+ Tăng 7.111 triệu đồng: Do điều chỉnh từ Tiểu dự án 3, Dự án 4, Tiểu dự án 2, Dự án 6 và Dự án 7 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thành phố Sóc Trăng chuyển sang.

+ Giảm 499 triệu đồng của thành phố Sóc Trăng do không còn đủ đối tượng thực hiện để điều chuyển bổ sung thêm cho các đơn vị khác thực hiện các nội dung phát triển sản xuất.

2.3. Dự án 4: Phát triển giáo dục, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Kinh phí đã phân bổ là **10.085** triệu đồng.

- Có 04 đơn vị có nhu cầu điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện. Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **7.354** triệu đồng, **giảm 2.731** triệu đồng (ngân sách trung ương), cụ thể:

+ Thành phố Sóc Trăng: Giảm 538 triệu đồng.

+ Thị xã Ngã Năm: Giảm 915 triệu đồng.

+ Huyện Mỹ Tú: Giảm 490 triệu đồng.

+ Huyện Cù Lao Dung: Giảm 788 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Kinh phí đã phân bổ là **9.693** triệu đồng.

- Có 03 đơn vị có nhu cầu điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện. Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **5.739** triệu đồng, **giảm 3.954** triệu đồng (ngân sách trung ương), cụ thể:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Giảm 3.685 triệu đồng.

+ Thành phố Sóc Trăng: Giảm 69 triệu đồng.

+ Huyện Cù Lao Dung: Giảm 200 triệu đồng.

2.4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Kinh phí đã phân bổ là **1.894** triệu đồng.

- Có 01 đơn vị có nhu cầu điều chỉnh bổ sung thêm kinh phí thực hiện và 02 đơn vị điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện. Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **1.740** triệu đồng, **giảm 154** triệu đồng (ngân sách trung ương), cụ thể:

+ Thị xã Ngã Năm: Giảm 115 triệu đồng để chuyển sang thực hiện các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất.

+ Huyện Mỹ Tú: Giảm 124 triệu đồng để chuyển sang thực hiện các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất.

+ Huyện Cù Lao Dung: Bổ sung thêm 200 triệu đồng từ nguồn vốn Tiểu dự án 3, Dự án 4 chuyển sang.

+ Huyện Trần Đề: Giảm 115 triệu đồng để chuyển sang thực hiện các nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất.

b) Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo

- Kinh phí đã phân bổ là 1.942 triệu đồng.

- Có 01 đơn vị có nhu cầu điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện. Tổng kinh phí sau điều chỉnh là 1.542 triệu đồng, giảm 400 triệu đồng (ngân sách trung ương) của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội do không còn đủ nội dung để thực hiện.

2.5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Kinh phí đã phân bổ là 4.902 triệu đồng.

- Có 02 đơn vị có nhu cầu điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện. Tổng kinh phí sau điều chỉnh là 4.360 triệu đồng, giảm 542 triệu đồng (ngân sách trung ương), cụ thể như sau:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Giảm 425 triệu đồng.

+ Thành phố Sóc Trăng: Giảm 117 triệu đồng.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Kinh phí đã phân bổ là 2.947 triệu đồng.

- Có 03 đơn vị có nhu cầu điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện. Tổng kinh phí sau điều chỉnh là 2.504 triệu đồng, giảm 443,42 triệu đồng (ngân sách trung ương), cụ thể như sau:

+ Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Giảm 165 triệu đồng.

+ Thành phố Sóc Trăng: Giảm 125 triệu đồng.

+ Huyện Mỹ Tú: Giảm 153,42 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các đơn vị, chủ đầu tư tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương liên quan đến việc triển khai thực hiện Chương trình.

- Thường xuyên theo dõi tình hình triển khai thực hiện, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo giải ngân nguồn vốn đúng tiến độ.

- Các cấp, các ngành, chủ đầu tư xem đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu trong thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị, địa phương.

- Đối với kinh phí đối ứng từ ngân sách huyện và huy động: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cân đối ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định đảm bảo đối ứng theo tỷ lệ quy định.

V. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh ST;
- Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, KHĐT, LĐTBXH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục

**Điều chỉnh phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp)
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chương trình, dự án	Nguồn vốn sự nghiệp đã phân bổ tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh		Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn	Nguồn vốn phân bổ sau điều chỉnh		Ghi chú
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	74.665,00	826,00	0,00	74.665,00	826,00	
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	750,00	0,00	0,00	750,00	0,00	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	750,00		0,00	750,00		
-	Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (huyện Kế Sách)	750,00		0,00	750,00		
II	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	27.195,00		1.612,42	28.807,42	0,00	

1	Thành phố Sóc Trăng	1.973,00		-973,00	1.000,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án
2	Thị xã Vĩnh Châu	3.157,00		0,00	3.157,00		
3	Thị xã Ngã Năm	2.351,00		1.030,00	3.381,00		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4 và Tiểu dự án 1 của Dự án 6, do các nội dung về đào tạo nghề và giảm nghèo về thông tin không còn đủ đối tượng để triển khai dự án
4	Huyện Thạnh Trị	2.762,00		0,00	2.762,00		
5	Huyện Mỹ Xuyên	2.170,00		0,00	2.170,00		
6	Huyện Mỹ Tú	2.533,00		767,42	3.300,42		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4 và Tiểu dự án 2 của Dự án 7, do các nội dung đào tạo nghề và giám sát, đánh giá không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
7	Huyện Châu Thành	1.809,00		0,00	1.809,00		
8	Huyện Kế Sách	3.683,00		0,00	3.683,00		
9	Huyện Cù Lao Dung	1.628,00		788,00	2.416,00		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4, do các nội dung đào tạo nghề không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
10	Huyện Long Phú	2.762,00		0,00	2.762,00		
11	Huyện Trần Đề	2.367,00		0,00	2.367,00		
III	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	15.057,00	62,00	6.612,00	21.669,00	62,00	
1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	11.242,00	23,00	6.612,00	17.854,00	23,00	
1.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	225,00	23,00	0,00	225,00	23,00	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	799,00		-499,00	300,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án

1.3	Thị xã Vĩnh Châu	1.279,00		699,00	1.978,00		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của Dự án 4, Tiểu dự án 2 của Dự án 6 và Dự án 7, do các nội dung về giải quyết việc làm, truyền thông về giảm nghèo, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá tại một số đơn vị không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án	
1.4	Thị xã Ngã Năm	953,00		699,00	1.652,00			
1.5	Huyện Thạnh Trị	1.119,00		699,00	1.818,00			
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	879,00		699,00	1.578,00			
1.7	Huyện Mỹ Tú	1.025,00		699,00	1.724,00			
1.8	Huyện Châu Thành	733,00		699,00	1.432,00			
1.9	Huyện Kế Sách	1.492,00		699,00	2.191,00			
1.10	Huyện Cù Lao Dung	660,00		705,00	1.365,00			
1.11	Huyện Long Phú	1.119,00		699,00	1.818,00			
1.12	Huyện Trần Đề	959,00		814,00	1.773,00			
2	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng	3.815,00	39,00	0,00	3.815,00	39,00		
1.1	Sở Y tế	382,00	39,00	0,00	382,00	39,00		
1.2	Thành phố Sóc Trăng	296,00		0,00	296,00			
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	296,00		0,00	296,00			
1.4	Thị xã Ngã Năm	295,00		0,00	295,00			
1.5	Huyện Thạnh Trị	322,00		0,00	322,00			
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	321,00		0,00	321,00			
1.7	Huyện Mỹ Tú	295,00		0,00	295,00			
1.8	Huyện Châu Thành	295,00		0,00	295,00			
1.9	Huyện Kế Sách	375,00		0,00	375,00			
1.10	Huyện Cù Lao Dung	295,00		0,00	295,00			
1.11	Huyện Long Phú	322,00		0,00	322,00			
1.12	Huyện Trần Đề	321,00		0,00	321,00			
IV	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	19.978,00	489,00	-6.685,00	13.293,00	489,00		
1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	10.085,00	0,00	-2.731,00	7.354,00	0,00		
1.1	Thành phố Sóc Trăng	838,00		-538,00	300,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án	
1.2	Thị xã Vĩnh Châu	1.016,00		0,00	1.016,00			

1.3	Thị xã Ngã Năm	915,00		-915,00	0,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thị xã Ngã Năm không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.4	Huyện Thạnh Trị	990,00		0,00	990,00		
1.5	Huyện Mỹ Xuyên	889,00		0,00	889,00		
1.6	Huyện Mỹ Tú	940,00		-490,00	450,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Mỹ Tú không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.7	Huyện Châu Thành	813,00		0,00	813,00		
1.8	Huyện Kế Sách	1.041,00		0,00	1.041,00		
1.9	Huyện Cù Lao Dung	788,00		-788,00	0,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Cù Lao Dung không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.10	Huyện Long Phú	940,00		0,00	940,00		
1.11	Huyện Trần Đề	915,00		0,00	915,00		
2	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	200,00	4,00	0,00	200,00	4,00	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	36,00	4,00	0,00	36,00	4,00	
2.2	Huyện Kế Sách	164,00	0,00	0,00	164,00	0,00	
3	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	9.693,00	485,00	-3.954,00	5.739,00	485,00	
3.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4.847,00	485,00	-3.685,00	1.162,00	485,00	Điều chỉnh giảm do đơn vị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không còn đủ đối tượng triển khai dự án
3.2	Thành phố Sóc Trăng	319,00		-69,00	250,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án
3.3	Thị xã Vĩnh Châu	638,00		0,00	638,00		
3.4	Thị xã Ngã Năm	380,00		0,00	380,00		
3.5	Huyện Thạnh Trị	410,00		0,00	410,00		

3.6	Huyện Mỹ Xuyên	439,00		0,00	439,00		
3.7	Huyện Mỹ Tú	447,00		0,00	447,00		
3.8	Huyện Châu Thành	399,00		0,00	399,00		
3.9	Huyện Kế Sách	638,00		0,00	638,00		
3.10	Huyện Cù Lao Dung	287,00		-200,00	87,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Cù Lao Dung không còn đủ đối tượng triển khai dự án
3.11	Huyện Long Phú	410,00		0,00	410,00		
3.12	Huyện Trần Đề	479,00		0,00	479,00		
V	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	3.836,00	125,00	-554,00	3.282,00	125,00	
1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	1.894,00	57,00	-154,00	1.740,00	57,00	
1.1	Sở Thông tin và Truyền thông	568,00	57,00	0,00	568,00	57,00	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	96,00		0,00	96,00		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	154,00		0,00	154,00		
1.4	Thị xã Ngã Năm	115,00		-115,00	0,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thị xã Ngã Năm không còn nội dung triển khai dự án
1.5	Huyện Thạnh Trị	135,00		0,00	135,00		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	105,00		0,00	105,00		
1.7	Huyện Mỹ Tú	124,00		-124,00	0,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Mỹ Tú không còn nội dung triển khai dự án
1.8	Huyện Châu Thành	88,00		0,00	88,00		
1.9	Huyện Kế Sách	180,00		0,00	180,00		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	79,00		200,00	279,00		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của dự án 4
1.11	Huyện Long Phú	135,00		0,00	135,00		
1.12	Huyện Trần Đề	115,00		-115,00	0,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Trần Đề không còn nội dung triển khai dự án
2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo	1.942,00	68,00	-400,00	1.542,00	68,00	

2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	680,00	68,00	-400,00	280,00	68,00	Điều chỉnh giảm do đơn vị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.2	Thành phố Sóc Trăng	92,00		0,00	92,00		
2.3	Thị xã Vĩnh Châu	147,00		0,00	147,00		
2.4	Thị xã Ngã Năm	109,00		0,00	109,00		
2.5	Huyện Thạnh Trị	128,00		0,00	128,00		
2.6	Huyện Mỹ Xuyên	101,00		0,00	101,00		
2.7	Huyện Mỹ Tú	118,00		0,00	118,00		
2.8	Huyện Châu Thành	84,00		0,00	84,00		
2.9	Huyện Kế Sách	171,00		0,00	171,00		
2.10	Huyện Cù Lao Dung	75,00		0,00	75,00		
2.11	Huyện Long Phú	128,00		0,00	128,00		
2.12	Huyện Trần Đề	109,00		0,00	109,00		
VI	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá	7.849,00	150,00	-985,42	6.863,58	150,00	
1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	4.902,00	123,00	-542,00	4.360,00	123,00	
1.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.225,00	123,00	-425,00	800,00	123,00	Điều chỉnh giảm do đơn vị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.2	Thành phố Sóc Trăng	267,00		-117,00	150,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	426,00		0,00	426,00		
1.4	Thị xã Ngã Năm	318,00		0,00	318,00		
1.5	Huyện Thạnh Trị	374,00		0,00	374,00		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	293,00		0,00	293,00		
1.7	Huyện Mỹ Tú	342,00		0,00	342,00		
1.8	Huyện Châu Thành	245,00		0,00	245,00		
1.9	Huyện Kế Sách	498,00		0,00	498,00		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	220,00		0,00	220,00		

1.11	Huyện Long Phú	374,00		0,00	374,00		
1.12	Huyện Trần Đề	320,00		0,00	320,00		
2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	2.947,00	27,00	-443,42	2.503,58	27,00	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	225,00	23,00	-165,00	60,00	23,00	Điều chỉnh giảm do đơn vị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40,00	4,00	0,00	40,00	4,00	
2.3	Thành phố Sóc Trăng	195,00		-125,00	70,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.4	Thị xã Vĩnh Châu	311,00		0,00	311,00		
2.5	Thị xã Ngã Năm	232,00		0,00	232,00		
2.6	Huyện Thạnh Trị	272,00		0,00	272,00		
2.7	Huyện Mỹ Xuyên	214,00		0,00	214,00		
2.8	Huyện Mỹ Tú	250,00		-153,42	96,58		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Mỹ Tú không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.9	Huyện Châu Thành	179,00		0,00	179,00		
2.10	Huyện Kế Sách	363,00		0,00	363,00		
2.11	Huyện Cù Lao Dung	161,00		0,00	161,00		
2.12	Huyện Long Phú	272,00		0,00	272,00		
2.13	Huyện Trần Đề	233,00		0,00	233,00		

***Ghi chú:** Ngân sách cấp huyện đối ứng theo quy định, đảm bảo tối thiểu 10% ngân sách trung ương.

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Nghị quyết điều chỉnh phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2024
(vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc Nghị quyết điều chỉnh phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Nghị quyết điều chỉnh phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

(Kèm theo Phụ lục chi tiết).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa X, kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phụ lục

**Điều chỉnh phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2024 (vốn sự nghiệp)
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chương trình, dự án	Nguồn vốn sự nghiệp đã phân bổ tại Nghị quyết số 101/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh		Điều chỉnh tăng, giảm (-) vốn	Nguồn vốn phân bổ sau điều chỉnh		Ghi chú
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	74.665,00	826,00	0,00	74.665,00	826,00	
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	750,00	0,00	0,00	750,00	0,00	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo	750,00		0,00	750,00		
-	Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (huyện Kế Sách)	750,00		0,00	750,00		
II	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	27.195,00		1.612,42	28.807,42	0,00	

1	Thành phố Sóc Trăng	1.973,00		-973,00	1.000,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án
2	Thị xã Vĩnh Châu	3.157,00		0,00	3.157,00		
3	Thị xã Ngã Năm	2.351,00		1.030,00	3.381,00		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4 và Tiểu dự án 1 của Dự án 6, do các nội dung về đào tạo nghề và giảm nghèo về thông tin không còn đủ đối tượng để triển khai dự án
4	Huyện Thạnh Trị	2.762,00		0,00	2.762,00		
5	Huyện Mỹ Xuyên	2.170,00		0,00	2.170,00		
6	Huyện Mỹ Tú	2.533,00		767,42	3.300,42		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4 và Tiểu dự án 2 của Dự án 7, do các nội dung đào tạo nghề và giám sát, đánh giá không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
7	Huyện Châu Thành	1.809,00		0,00	1.809,00		
8	Huyện Kế Sách	3.683,00		0,00	3.683,00		
9	Huyện Cù Lao Dung	1.628,00		788,00	2.416,00		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4, do các nội dung đào tạo nghề không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
10	Huyện Long Phú	2.762,00		0,00	2.762,00		
11	Huyện Trần Đề	2.367,00		0,00	2.367,00		
III	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	15.057,00	62,00	6.612,00	21.669,00	62,00	
1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	11.242,00	23,00	6.612,00	17.854,00	23,00	
1.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	225,00	23,00	0,00	225,00	23,00	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	799,00		-499,00	300,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án

1.3	Thị xã Vĩnh Châu	1.279,00		699,00	1.978,00		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của Dự án 4, Tiểu dự án 2 của Dự án 6 và Dự án 7, do các nội dung về giải quyết việc làm, truyền thông về giảm nghèo, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá tại một số đơn vị không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án	
1.4	Thị xã Ngã Năm	953,00		699,00	1.652,00			
1.5	Huyện Thạnh Trị	1.119,00		699,00	1.818,00			
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	879,00		699,00	1.578,00			
1.7	Huyện Mỹ Tú	1.025,00		699,00	1.724,00			
1.8	Huyện Châu Thành	733,00		699,00	1.432,00			
1.9	Huyện Kế Sách	1.492,00		699,00	2.191,00			
1.10	Huyện Cù Lao Dung	660,00		705,00	1.365,00			
1.11	Huyện Long Phú	1.119,00		699,00	1.818,00			
1.12	Huyện Trần Đề	959,00		814,00	1.773,00			
2	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng	3.815,00	39,00	0,00	3.815,00	39,00		
1.1	Sở Y tế	382,00	39,00	0,00	382,00	39,00		
1.2	Thành phố Sóc Trăng	296,00		0,00	296,00			
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	296,00		0,00	296,00			
1.4	Thị xã Ngã Năm	295,00		0,00	295,00			
1.5	Huyện Thạnh Trị	322,00		0,00	322,00			
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	321,00		0,00	321,00			
1.7	Huyện Mỹ Tú	295,00		0,00	295,00			
1.8	Huyện Châu Thành	295,00		0,00	295,00			
1.9	Huyện Kế Sách	375,00		0,00	375,00			
1.10	Huyện Cù Lao Dung	295,00		0,00	295,00			
1.11	Huyện Long Phú	322,00		0,00	322,00			
1.12	Huyện Trần Đề	321,00		0,00	321,00			
IV	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	19.978,00	489,00	-6.685,00	13.293,00	489,00		
1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	10.085,00	0,00	-2.731,00	7.354,00	0,00		
1.1	Thành phố Sóc Trăng	838,00		-538,00	300,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án	
1.2	Thị xã Vĩnh Châu	1.016,00		0,00	1.016,00			

1.3	Thị xã Ngã Năm	915,00		-915,00	0,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thị xã Ngã Năm không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.4	Huyện Thạnh Trị	990,00		0,00	990,00		
1.5	Huyện Mỹ Xuyên	889,00		0,00	889,00		
1.6	Huyện Mỹ Tú	940,00		-490,00	450,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Mỹ Tú không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.7	Huyện Châu Thành	813,00		0,00	813,00		
1.8	Huyện Kế Sách	1.041,00		0,00	1.041,00		
1.9	Huyện Cù Lao Dung	788,00		-788,00	0,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Cù Lao Dung không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.10	Huyện Long Phú	940,00		0,00	940,00		
1.11	Huyện Trần Đề	915,00		0,00	915,00		
2	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	200,00	4,00	0,00	200,00	4,00	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	36,00	4,00	0,00	36,00	4,00	
2.2	Huyện Kế Sách	164,00	0,00	0,00	164,00	0,00	
3	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	9.693,00	485,00	-3.954,00	5.739,00	485,00	
3.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	4.847,00	485,00	-3.685,00	1.162,00	485,00	Điều chỉnh giảm do đơn vị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không còn đủ đối tượng triển khai dự án
3.2	Thành phố Sóc Trăng	319,00		-69,00	250,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án
3.3	Thị xã Vĩnh Châu	638,00		0,00	638,00		
3.4	Thị xã Ngã Năm	380,00		0,00	380,00		
3.5	Huyện Thạnh Trị	410,00		0,00	410,00		

3.6	Huyện Mỹ Xuyên	439,00		0,00	439,00		
3.7	Huyện Mỹ Tú	447,00		0,00	447,00		
3.8	Huyện Châu Thành	399,00		0,00	399,00		
3.9	Huyện Kế Sách	638,00		0,00	638,00		
3.10	Huyện Cù Lao Dung	287,00		-200,00	87,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Cù Lao Dung không còn đủ đối tượng triển khai dự án
3.11	Huyện Long Phú	410,00		0,00	410,00		
3.12	Huyện Trần Đề	479,00		0,00	479,00		
V	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	3.836,00	125,00	-554,00	3.282,00	125,00	
1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	1.894,00	57,00	-154,00	1.740,00	57,00	
1.1	Sở Thông tin và Truyền thông	568,00	57,00	0,00	568,00	57,00	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	96,00		0,00	96,00		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	154,00		0,00	154,00		
1.4	Thị xã Ngã Năm	115,00		-115,00	0,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thị xã Ngã Năm không còn nội dung triển khai dự án
1.5	Huyện Thạnh Trị	135,00		0,00	135,00		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	105,00		0,00	105,00		
1.7	Huyện Mỹ Tú	124,00		-124,00	0,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Mỹ Tú không còn nội dung triển khai dự án
1.8	Huyện Châu Thành	88,00		0,00	88,00		
1.9	Huyện Kế Sách	180,00		0,00	180,00		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	79,00		200,00	279,00		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của dự án 4
1.11	Huyện Long Phú	135,00		0,00	135,00		
1.12	Huyện Trần Đề	115,00		-115,00	0,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Trần Đề không còn nội dung triển khai dự án
2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo	1.942,00	68,00	-400,00	1.542,00	68,00	

2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	680,00	68,00	-400,00	280,00	68,00	Điều chỉnh giảm do đơn vị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.2	Thành phố Sóc Trăng	92,00		0,00	92,00		
2.3	Thị xã Vĩnh Châu	147,00		0,00	147,00		
2.4	Thị xã Ngã Năm	109,00		0,00	109,00		
2.5	Huyện Thạnh Trị	128,00		0,00	128,00		
2.6	Huyện Mỹ Xuyên	101,00		0,00	101,00		
2.7	Huyện Mỹ Tú	118,00		0,00	118,00		
2.8	Huyện Châu Thành	84,00		0,00	84,00		
2.9	Huyện Kế Sách	171,00		0,00	171,00		
2.10	Huyện Cù Lao Dung	75,00		0,00	75,00		
2.11	Huyện Long Phú	128,00		0,00	128,00		
2.12	Huyện Trần Đề	109,00		0,00	109,00		
VI	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá	7.849,00	150,00	-985,42	6.863,58	150,00	
1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	4.902,00	123,00	-542,00	4.360,00	123,00	
1.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.225,00	123,00	-425,00	800,00	123,00	Điều chỉnh giảm do đơn vị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.2	Thành phố Sóc Trăng	267,00		-117,00	150,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	426,00		0,00	426,00		
1.4	Thị xã Ngã Năm	318,00		0,00	318,00		
1.5	Huyện Thạnh Trị	374,00		0,00	374,00		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	293,00		0,00	293,00		
1.7	Huyện Mỹ Tú	342,00		0,00	342,00		
1.8	Huyện Châu Thành	245,00		0,00	245,00		
1.9	Huyện Kế Sách	498,00		0,00	498,00		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	220,00		0,00	220,00		

1.11	Huyện Long Phú	374,00		0,00	374,00		
1.12	Huyện Trần Đề	320,00		0,00	320,00		
2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	2.947,00	27,00	-443,42	2.503,58	27,00	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	225,00	23,00	-165,00	60,00	23,00	Điều chỉnh giảm do đơn vị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40,00	4,00	0,00	40,00	4,00	
2.3	Thành phố Sóc Trăng	195,00		-125,00	70,00		Điều chỉnh giảm do đơn vị thành phố Sóc Trăng không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.4	Thị xã Vĩnh Châu	311,00		0,00	311,00		
2.5	Thị xã Ngã Năm	232,00		0,00	232,00		
2.6	Huyện Thạnh Trị	272,00		0,00	272,00		
2.7	Huyện Mỹ Xuyên	214,00		0,00	214,00		
2.8	Huyện Mỹ Tú	250,00		-153,42	96,58		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Mỹ Tú không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.9	Huyện Châu Thành	179,00		0,00	179,00		
2.10	Huyện Kế Sách	363,00		0,00	363,00		
2.11	Huyện Cù Lao Dung	161,00		0,00	161,00		
2.12	Huyện Long Phú	272,00		0,00	272,00		
2.13	Huyện Trần Đề	233,00		0,00	233,00		

***Ghi chú:** Ngân sách cấp huyện đối ứng theo quy định, đảm bảo tối thiểu 10% ngân sách trung ương.

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển sang năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (chi thường xuyên) và dự toán ngân sách nhà nước chưa giải ngân hết trong năm 2023 (bao gồm chi đầu tư, chi thường xuyên) của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được chuyển sang năm 2024 theo quy định của Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội” và tình hình thực tế triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển sang năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Qua thực tiễn triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Chương trình), hiện nay các địa phương phát sinh một số khó khăn trong việc triển khai thực hiện các dự án, tiêu dự án thành phần thuộc Chương trình do một số nội dung không còn đối tượng hoặc nội dung thực hiện, trong khi một số đơn vị lại có nhu cầu điều chỉnh bổ sung thêm nguồn vốn để thực hiện các nội dung, dự án khác nhằm tiếp tục sử dụng hiệu quả nguồn vốn được trung ương phân bổ cho địa phương thực hiện Chương trình, góp phần thực hiện đạt các mục tiêu Kế hoạch đã đề ra, đảm bảo đến cuối năm 2024 giải ngân nguồn vốn đạt tỷ lệ theo chỉ đạo của Chính phủ, vì vậy việc điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) chưa giải ngân hết năm 2023 được chuyển sang năm 2024 thực hiện Chương trình là cần thiết.

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỉ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2023 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

III. MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN TẮC ĐIỀU CHỈNH

1. Mục tiêu

Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển sang năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng nhằm tiếp tục sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn vốn được giao để hỗ trợ hộ nghèo có điều kiện vươn lên thoát nghèo, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống,... đảm bảo đến cuối năm 2024 giải ngân nguồn vốn đạt tỷ lệ theo quy định được Chính phủ giao.

2. Nguyên tắc điều chỉnh việc phân bổ vốn

- Việc điều chỉnh phân bổ vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định liên quan, nhằm hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; đồng thời, bảo đảm công khai, minh bạch.

- Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước từ dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện để giải ngân kinh phí theo quy định hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung dự toán thực hiện cho các dự án thành phần khác trong cùng chương trình mục tiêu quốc gia phải bảo đảm không vượt quá tổng dự toán ngân sách nhà nước và không thay đổi cơ cấu chi thường xuyên của chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền giao.

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

1. Tổng số vốn năm 2022 và năm 2023 kéo dài được phép chuyển sang năm 2024 thực hiện Chương trình là: 18.553.810.103 đồng, bao gồm:

- Vốn ngân sách trung ương: 18.183.750.835 đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: 370.059.268 đồng.

Trong đó:

1.1. Tổng kinh phí điều chỉnh giữa các dự án là: 10.420.420.328 đồng (ngân sách trung ương).

1.2. Tổng kinh phí chuyển sang năm 2024 tiếp tục thực hiện (không điều chỉnh) là: 8.133.389.775 đồng, gồm:

- Ngân sách trung ương: 7.763.330.507 đồng.
- Ngân sách địa phương: 370.059.268 đồng.

2. Nội dung điều chỉnh

Điều chỉnh giảm kinh phí của Dự án 1, Dự án 4, Dự án 6, Dự án 7 do không còn đủ đối tượng hoặc nội dung hỗ trợ để điều chuyển bổ sung thêm kinh phí cho các dự án về hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Dự án 2 và Dự án 3, chi tiết như sau:

2.1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

- Vốn kéo dài chưa giải ngân hết là **4.475.000** đồng (ngân sách trung ương).

- Huyện Kế Sách không còn nội dung thực hiện nên có nhu cầu điều chuyển số kinh phí nêu trên sang thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 về hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp của huyện.

2.2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo:

- Vốn kéo dài chưa giải ngân hết là **2.094.001.850** đồng.

- Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **7.382.666.750** đồng, **tăng 5.288.664.900** đồng (ngân sách trung ương), cụ thể:

+ Điều chỉnh vốn từ Tiểu dự án 1, Dự án 4 của huyện Mỹ Tú và huyện Châu Thành điều chuyển sang là: 2.044.142.500 đồng.

+ Điều chỉnh vốn từ Tiểu dự án 1, Dự án 6 của thị xã Vĩnh Châu điều chuyển sang: 535.205.800 đồng.

+ Điều chỉnh vốn từ Tiểu dự án 3, Dự án 4; Tiểu dự án 2, Dự án 6 và Dự án 7 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thành phố Sóc Trăng điều chuyển sang 2.709.316.600 đồng.

2.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Vốn kéo dài chưa giải ngân hết là **139.553.000** đồng.

- Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **4.814.435.344** đồng, **tăng 4.674.882.344** đồng (ngân sách trung ương), cụ thể:

+ Điều chỉnh vốn từ Tiểu dự án 3, Dự án 4; Tiểu dự án 2, Dự án 6 và Dự án 7 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, thành phố Sóc Trăng điều chuyển sang: 1.178.093.774 đồng.

+ Điều chỉnh vốn từ Tiểu dự án 1, Dự án 4 của huyện Kế Sách điều chuyển sang: 1.748.401.570 đồng.

+ Điều chỉnh vốn từ Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 3, Dự án 4; Tiểu dự án 2, Dự án 7 của huyện Cù Lao Dung chuyển sang: 699.887.000 đồng.

+ Điều chỉnh vốn từ Tiểu dự án 1, Tiểu dự án 3 của Dự án 4 của các huyện Mỹ Tú và Châu Thành điều chuyển sang: 1.048.500.000 đồng.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Vốn kéo dài chưa giải ngân hết là **374.942.286** đồng.

- Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **592.578.370** đồng, **tăng 217.636.084** đồng (ngân sách trung ương), cụ thể:

+ Điều chỉnh vốn từ Tiểu dự án 1, Dự án 4 của huyện Mỹ Xuyên điều chuyển sang: 256.873.084 đồng.

+ Điều chỉnh giảm 39.237.000 của thành phố Sóc Trăng do không còn đủ đối tượng thực hiện để chuyển sang thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Dự án 2.

2.4. Dự án 4: Phát triển giáo dục, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Vốn kéo dài chưa giải ngân hết là **6.402.380.128** đồng.

- Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **1.108.027.440** đồng, **giảm 5.294.352.688** đồng (ngân sách trung ương) của 07 đơn vị do không còn đối tượng hoặc nội dung để thực hiện, gồm:

- + Điều chỉnh giảm vốn của thành phố Sóc Trăng: 247.518.104 đồng.
- + Điều chỉnh giảm vốn của huyện Mỹ Xuyên: 456.873.084 đồng.
- + Điều chỉnh giảm vốn của huyện Mỹ Tú: 1.159.948.500 đồng.
- + Điều chỉnh giảm vốn của huyện Châu Thành: 518.974.000 đồng.
- + Điều chỉnh giảm vốn của huyện Kế Sách: 1.364.652.000 đồng.
- + Điều chỉnh giảm vốn của huyện Cù Lao Dung: 699.887.000 đồng.
- + Điều chỉnh giảm vốn của huyện Trần Đề: 846.500.000 đồng.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Vốn kéo dài chưa giải ngân hết là **264.000.000** đồng.
 - Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **0** đồng, **giảm 264.000.000** đồng (ngân sách trung ương) do không còn đủ đối tượng hoặc nội dung để thực hiện, cụ thể:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 46.000.000 đồng

+ Điều chỉnh giảm vốn của huyện Kế Sách: 218.000.000 đồng.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Vốn kéo dài chưa giải ngân hết là **4.768.025.769** đồng.

- Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **2.017.219.039** đồng, **giảm 2.750.806.730** đồng (ngân sách trung ương), do không còn đủ đối tượng hoặc nội dung để thực hiện, trong đó:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 2.548.806.730 đồng.

+ Điều chỉnh giảm vốn của huyện Trần Đề: 202.000.000 đồng.

2.5. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Vốn kéo dài chưa giải ngân hết là **2.289.663.800** đồng.

- Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **1.414.668.000** đồng; **giảm 874.995.800** đồng (ngân sách trung ương), do các đơn vị không còn đủ đối tượng hoặc nội dung để thực hiện, cụ thể:

+ Điều chỉnh giảm vốn của thị xã Vĩnh Châu: 535.205.800 đồng.

+ Điều chỉnh giảm vốn của huyện Mỹ Tú: 222.430.000 đồng.

+ Điều chỉnh giảm vốn của huyện Long Phú: 117.360.000 đồng.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo

- Vốn kéo dài chưa giải ngân hết là **609.577.800** đồng.
- Tổng kinh phí sau điều chỉnh là **324.917.800** đồng; **giảm 284.660.000** đồng (ngân sách trung ương) đồng, do các đơn vị không còn nội dung để thực hiện, cụ thể:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 484.660.000 đồng

+ Điều chỉnh tăng vốn đối với huyện Mỹ Xuyên: 200.000.000 đồng (điều chuyển từ Tiểu dự án 1, Dự án 4 của huyện chuyển sang).

2.6. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- Vốn kéo dài chưa giải ngân hết là **471.597.482** đồng.
- Tổng kinh phí còn lại sau điều chỉnh là **309.145.792** đồng; **giảm 162.451.690** đồng (ngân sách trung ương), do các đơn vị không còn nội dung để thực hiện, trong đó:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 129.748.996 đồng.

+ Điều chỉnh giảm vốn của thành phố Sóc Trăng: 32.702.694 đồng.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Vốn kéo dài chưa giải ngân hết là **765.533.720** đồng.
- Tổng kinh phí còn lại sau điều chỉnh là **220.092.300** đồng; **giảm 545.441.420** đồng (ngân sách trung ương), do các đơn vị không còn nội dung để thực hiện, trong đó:

+ Điều chỉnh giảm vốn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 393.420.250 đồng

+ Điều chỉnh giảm vốn của huyện Mỹ Tú: 142.790.000 đồng.

+ Điều chỉnh giảm vốn của huyện Kế Sách: 9.231.170 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các đơn vị, chủ đầu tư tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, các văn bản chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương liên quan đến việc triển khai thực hiện Chương trình.

- Thường xuyên theo dõi tình hình triển khai thực hiện, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo giải ngân nguồn vốn đúng tiến độ.

- Các cấp, các ngành, chủ đầu tư xem đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu trong thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị, địa phương.

- Đối với kinh phí đối ứng từ ngân sách huyện và huy động: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố cân đối ngân sách đơn địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định đảm bảo đối ứng theo tỷ lệ quy định.

V. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN

Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện, đảm bảo đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh ST;
- Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TC, KHĐT, LĐTBXH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục

Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển sang năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chương trình, dự án	Nguồn vốn sự nghiệp chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển nguồn sang năm 2024 tiếp tục thực hiện		Điều chỉnh tăng, giảm (-) phân bổ vốn ngân sách nhà nước (vốn trung ương)	Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh		Ghi chú
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	18.183.750.835	370.059.268	0	18.183.750.835	370.059.268	
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	4.475.000		-4.475.000	0		
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (huyện Kế Sách)	4.475.000		-4.475.000	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn nội dung thực hiện
II	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	2.094.001.850	0	5.288.664.900	7.382.666.750	0	
1	Thành phố Sóc Trăng	1.613.579.450		0	1.613.579.450		

1	Thị xã Vĩnh Châu	185.650.000		535.205.800	720.855.800	Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 6, do các nội dung về giảm nghèo về thông tin không còn đủ nội dung để triển khai dự án
2	Thị xã Ngã Năm	0		392.000.000	392.000.000	Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của Dự án 4, Tiểu dự án 2 của Dự án 6 và Dự án 7, do các nội dung về giải quyết việc làm, truyền thông về giảm nghèo, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá tại một số đơn vị không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
3	Huyện Thạnh Trị	0		392.000.000	392.000.000	
4	Huyện Mỹ Xuyên	22.500.000		392.000.000	414.500.000	
5	Huyện Mỹ Tú	9.000		1.525.168.500	1.525.177.500	Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4, do các nội dung về dạy nghề không còn đủ nội dung để triển khai dự án
6	Huyện Châu Thành	0		518.974.000	518.974.000	Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4, do các nội dung về dạy nghề không còn đủ nội dung để triển khai dự án
7	Huyện Kế Sách	272.263.400		239.956.600	512.220.000	Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của Dự án 4, Tiểu dự án 2 của Dự án 6 và Dự án 7, do các nội dung về giải quyết việc làm, truyền thông về giảm nghèo, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá tại một số đơn vị không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
8	Huyện Cù Lao Dung	0		392.000.000	392.000.000	
9	Huyện Long Phú	0		509.360.000	509.360.000	
10	Huyện Trần Đề	0		392.000.000	392.000.000	

III	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	514.495.286	27.253.200	4.892.518.428	5.407.013.714	27.253.200	
1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	139.553.000	10.240.000	4.674.882.344	4.814.435.344	10.240.000	
1.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28.950.000	10.240.000	0	28.950.000	10.240.000	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	68.537.000		0	68.537.000		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	0		394.093.774	394.093.774		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của Dự án 4, Tiểu dự án 2 của Dự án 6 và Dự án 7, do các nội dung về giải quyết việc làm, truyền thông về giảm nghèo, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá tại một số đơn vị không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
1.4	Thị xã Ngã Năm	0		0	0		
1.5	Huyện Thạnh Trị	0		0	0		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	13.440.000		0	13.440.000		
1.7	Huyện Mỹ Tú	1.636.000		392.000.000	393.636.000		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của Dự án 4, Tiểu dự án 2 của Dự án 6 và Dự án 7, do các nội dung về giải quyết việc làm, truyền thông về giảm nghèo, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá tại một số đơn vị không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
1.8	Huyện Châu Thành	8.000.000		392.000.000	400.000.000		

1.9	Huyện Kế Sách	13.490.000		1.748.401.570	1.761.891.570		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4, do các nội dung về dạy nghề không còn đủ nội dung để triển khai dự án
1.10	Huyện Cù Lao Dung	0		699.887.000	699.887.000		Điều chỉnh tăng từ Dự án 4 và Tiểu dự án 2 của Dự án 7, do các nội dung về dạy nghề, việc làm và giám sát không còn đủ nội dung để triển khai dự án
1.11	Huyện Long Phú	0		0	0		
1.12	Huyện Trần Đề	5.500.000		1.048.500.000	1.054.000.000		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 3 của Dự án 4, do các nội dung về dạy nghề và việc làm không còn đủ nội dung để triển khai dự án
2	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng	374.942.286	17.013.200	217.636.084	592.578.370	17013200	
1.1	Sở Y tế	126.256.000	17.013.200	0	126.256.000	17013200	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	39.237.000		-39.237.000	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị Thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	20.632.500		0	20.632.500		
1.4	Thị xã Ngã Năm	3.691.700		0	3.691.700		
1.5	Huyện Thạnh Trị	98.560.700		0	98.560.700		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	0		256.873.084	256.873.084		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4 do các nội dung về dạy nghề không còn đủ đối tượng để triển khai dự án
1.7	Huyện Mỹ Tú	0		0	0		
1.8	Huyện Châu Thành	0		0	0		
1.9	Huyện Kế Sách	82.526.386		0	82.526.386		

1.10	Huyện Cù Lao Dung	0		0	0		
1.11	Huyện Long Phú	0		0	0		
1.12	Huyện Trần Đề	4.038.000		0	4.038.000		
IV	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	11.434.405.897	74.531.700	-8.309.159.418	3.125.246.479	74.531.700	
1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	6.402.380.128	0	-5.294.352.688	1.108.027.440	0	
1.1	Thành phố Sóc Trăng	440.838.104		-247.518.104	193.320.000		Điều chỉnh giảm do đơn vị Thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.2	Thị xã Vĩnh Châu	261.062.440		0	261.062.440		
1.3	Thị xã Ngã Năm	486.050.000		0	486.050.000		
1.4	Huyện Thạnh Trị	9.900.000		0	9.900.000		
1.5	Huyện Mỹ Xuyên	600.413.084		-456.873.084	143.540.000		
1.6	Huyện Mỹ Tú	1.159.948.500		-1.159.948.500	0		Điều chỉnh giảm do các đơn vị không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.7	Huyện Châu Thành	518.974.000		-518.974.000	0		
1.8	Huyện Kế Sách	1.364.652.000		-1.364.652.000	0		
1.9	Huyện Cù Lao Dung	699.887.000		-699.887.000	0		
1.10	Huyện Long Phú	14.155.000		0	14.155.000		
1.11	Huyện Trần Đề	846.500.000		-846.500.000	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Trần Đề không còn đủ đối tượng triển khai dự án
2	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	264.000.000	4.000.000	-264.000.000	0	4.000.000	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	46.000.000	4.000.000	-46.000.000	0	4.000.000	Điều chỉnh giảm do các đơn vị không còn đủ đối tượng triển khai dự án
2.2	Huyện Kế Sách	218.000.000		-218.000.000	0	0	

3	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	4.768.025.769	70.531.700	-2.750.806.730	2.017.219.039	70.531.700	
3.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3.528.806.730	70.531.700	-2.548.806.730	980.000.000	70.531.700	Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ đối tượng triển khai dự án
3.2	Thành phố Sóc Trăng	168.989.025		0	168.989.025		
3.3	Thị xã Vĩnh Châu	276.600.000		0	276.600.000		
3.4	Thị xã Ngã Năm	0		0	0		
3.5	Huyện Thạnh Trị	21.216.014		0	21.216.014		
3.6	Huyện Mỹ Xuyên	99.472.000		0	99.472.000		
3.7	Huyện Mỹ Tú	0		0	0		
3.8	Huyện Châu Thành	0		0	0		
3.9	Huyện Kế Sách	22.440.000		0	22.440.000		
3.10	Huyện Cù Lao Dung	152.758.000		0	152.758.000		
3.11	Huyện Long Phú	295.744.000		0	295.744.000		
3.12	Huyện Trần Đề	202.000.000		-202.000.000	0		
V	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	2.899.241.600	169.274.368	-1.159.655.800	1.739.585.800	169.274.368	
1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	2.289.663.800	108.274.368	-874.995.800	1.414.668.000	108.274.368	
1.1	Sở Thông tin và Truyền thông	1.790.000	108.274.368	0	1.790.000	108.274.368	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	335.000.000		0	335.000.000		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	535.205.800		-535.205.800	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị thị xã Vĩnh Châu không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.4	Thị xã Ngã Năm	163.678.000		0	163.678.000		
1.5	Huyện Thạnh Trị	189.560.000		0	189.560.000		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	368.000.000		0	368.000.000		
1.7	Huyện Mỹ Tú	222.430.000		-222.430.000	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Mỹ Tú không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.8	Huyện Châu Thành	306.000.000		0	306.000.000		

1.9	Huyện Kế Sách	0		0	0		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	0		0	0		
1.11	Huyện Long Phú	168.000.000		-117.360.000	50.640.000		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Long Phú không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.12	Huyện Trần Đề	0		0	0		
2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo	609.577.800	61.000.000	-284.660.000	324.917.800	61.000.000	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	484.660.000	61.000.000	-484.660.000	0	61.000.000	Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.2	Thành phố Sóc Trăng	0		0	0		
2.3	Thị xã Vĩnh Châu	90.900.000		0	90.900.000		
2.4	Thị xã Ngã Năm	0		0	0		
2.5	Huyện Thạnh Trị	0		0	0		
2.6	Huyện Mỹ Xuyên	0		200.000.000	200.000.000		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4
2.7	Huyện Mỹ Tú	0		0	0		
2.8	Huyện Châu Thành	0		0	0		
2.9	Huyện Kế Sách	34.017.800		0	34.017.800		
2.10	Huyện Cù Lao Dung	0		0	0		
2.11	Huyện Long Phú	0		0	0		
2.12	Huyện Trần Đề	0		0	0		
VI	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá	1.237.131.202	99.000.000	-707.893.110	529.238.092	99.000.000	
1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	471.597.482	83.000.000	-162.451.690	309.145.792	83.000.000	
1.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	129.748.996	83.000.000	-129.748.996	0	83.000.000	Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.2	Thành phố Sóc Trăng	130.419.694		-32.702.694	97.717.000		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	158.520.000		0	158.520.000		

1.4	Thị xã Ngã Năm	0		0	0		
1.5	Huyện Thạnh Trị	0		0	0		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	0		0	0		
1.7	Huyện Mỹ Tú	5.376.792		0	5.376.792		
1.8	Huyện Châu Thành	0		0	0		
1.9	Huyện Kế Sách	0		0	0		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	12.728.000		0	12.728.000		
1.11	Huyện Long Phú	34.804.000		0	34.804.000		
1.12	Huyện Trần Đề	0		0	0		
2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	765.533.720	16.000.000	-545.441.420	220.092.300	16.000.000	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	393.420.250	16.000.000	-393.420.250	0	16.000.000	Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17.188.700		0	17.188.700		
2.3	Thành phố Sóc Trăng	48.785.000		0	48.785.000		
2.4	Thị xã Vĩnh Châu	76.199.100		0	76.199.100		
2.5	Thị xã Ngã Năm	0		0	0		
2.6	Huyện Thạnh Trị	0		0	0		
2.7	Huyện Mỹ Xuyên	0		0	0		
2.8	Huyện Mỹ Tú	142.790.000		-142.790.000	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.9	Huyện Châu Thành	30.537.500		0	30.537.500		
2.10	Huyện Kế Sách	9.231.170		-9.231.170	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.11	Huyện Cù Lao Dung	3.425.000		0	3.425.000		
2.12	Huyện Long Phú	43.957.000		0	43.957.000		
2.13	Huyện Trần Đề	0		0	0		

*Ghi chú: Ngân sách cấp huyện đối ứng theo quy định, đảm bảo tối thiểu 10% ngân sách trung ương.

Số: /NQ-HĐND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển sang năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước năm 2023 (vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển sang năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Nghị quyết điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển sang năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

(Kèm theo Phụ lục chi tiết).

Điều 2.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng khóa X, kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính; Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phụ lục

Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (vốn sự nghiệp) chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển sang năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Chương trình, dự án	Nguồn vốn sự nghiệp chưa giải ngân hết trong năm 2023 được chuyển nguồn sang năm 2024 tiếp tục thực hiện		Điều chỉnh tăng, giảm (-) phân bổ vốn ngân sách nhà nước (vốn trung ương)	Kế hoạch vốn sau khi điều chỉnh		Ghi chú
		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	
	Tổng số	18.183.750.835	370.059.268	0	18.183.750.835	370.059.268	
I	Dự án 1. Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	4.475.000		-4.475.000	0		
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (huyện Kế Sách)	4.475.000		-4.475.000	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn nội dung thực hiện
II	Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	2.094.001.850	0	5.288.664.900	7.382.666.750	0	
1	Thành phố Sóc Trăng	1.613.579.450		0	1.613.579.450		

1	Thị xã Vĩnh Châu	185.650.000		535.205.800	720.855.800	Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 6, do các nội dung về giảm nghèo về thông tin không còn đủ nội dung để triển khai dự án
2	Thị xã Ngã Năm	0		392.000.000	392.000.000	Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của Dự án 4, Tiểu dự án 2 của Dự án 6 và Dự án 7, do các nội dung về giải quyết việc làm, truyền thông về giảm nghèo, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá tại một số đơn vị không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
3	Huyện Thanh Tri	0		392.000.000	392.000.000	
4	Huyện Mỹ Xuyên	22.500.000		392.000.000	414.500.000	
5	Huyện Mỹ Tú	9.000		1.525.168.500	1.525.177.500	Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4, do các nội dung về dạy nghề không còn đủ nội dung để triển khai dự án
6	Huyện Châu Thành	0		518.974.000	518.974.000	Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4, do các nội dung về dạy nghề không còn đủ nội dung để triển khai dự án
7	Huyện Kế Sách	272.263.400		239.956.600	512.220.000	Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của Dự án 4, Tiểu dự án 2 của Dự án 6 và Dự án 7, do các nội dung về giải quyết việc làm, truyền thông về giảm nghèo, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá tại một số đơn vị không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
8	Huyện Cù Lao Dung	0		392.000.000	392.000.000	
9	Huyện Long Phú	0		509.360.000	509.360.000	
10	Huyện Trần Đề	0		392.000.000	392.000.000	

III	Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	514.495.286	27.253.200	4.892.518.428	5.407.013.714	27.253.200	
1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	139.553.000	10.240.000	4.674.882.344	4.814.435.344	10.240.000	
1.1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	28.950.000	10.240.000	0	28.950.000	10.240.000	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	68.537.000		0	68.537.000		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	0		394.093.774	394.093.774		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của Dự án 4, Tiểu dự án 2 của Dự án 6 và Dự án 7, do các nội dung về giải quyết việc làm, truyền thông về giảm nghèo, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá tại một số đơn vị không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
1.4	Thị xã Ngã Năm	0		0	0		
1.5	Huyện Thạnh Trị	0		0	0		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	13.440.000		0	13.440.000		
1.7	Huyện Mỹ Tú	1.636.000		392.000.000	393.636.000		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 3 của Dự án 4, Tiểu dự án 2 của Dự án 6 và Dự án 7, do các nội dung về giải quyết việc làm, truyền thông về giảm nghèo, nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá tại một số đơn vị không còn đủ đối tượng và nội dung để triển khai dự án
1.8	Huyện Châu Thành	8.000.000		392.000.000	400.000.000		

1.9	Huyện Kế Sách	13.490.000		1.748.401.570	1.761.891.570		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4, do các nội dung về dạy nghề không còn đủ nội dung để triển khai dự án
1.10	Huyện Cù Lao Dung	0		699.887.000	699.887.000		Điều chỉnh tăng từ Dự án 4 và Tiểu dự án 2 của Dự án 7, do các nội dung về dạy nghề, việc làm và giám sát không còn đủ nội dung để triển khai dự án
1.11	Huyện Long Phú	0		0	0		
1.12	Huyện Trần Đề	5.500.000		1.048.500.000	1.054.000.000		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 3 của Dự án 4, do các nội dung về dạy nghề và việc làm không còn đủ nội dung để triển khai dự án
2	Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng	374.942.286	17.013.200	217.636.084	592.578.370	17013200	
1.1	Sở Y tế	126.256.000	17.013.200	0	126.256.000	17013200	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	39.237.000		-39.237.000	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị Thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	20.632.500		0	20.632.500		
1.4	Thị xã Ngã Năm	3.691.700		0	3.691.700		
1.5	Huyện Thạnh Trị	98.560.700		0	98.560.700		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	0		256.873.084	256.873.084		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4 do các nội dung về dạy nghề không còn đủ đối tượng để triển khai dự án
1.7	Huyện Mỹ Tú	0		0	0		
1.8	Huyện Châu Thành	0		0	0		
1.9	Huyện Kế Sách	82.526.386		0	82.526.386		

1.10	Huyện Cù Lao Dung	0		0	0		
1.11	Huyện Long Phú	0		0	0		
1.12	Huyện Trần Đề	4.038.000		0	4.038.000		
IV	Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	11.434.405.897	74.531.700	-8.309.159.418	3.125.246.479	74.531.700	
1	Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	6.402.380.128	0	-5.294.352.688	1.108.027.440	0	
1.1	Thành phố Sóc Trăng	440.838.104		-247.518.104	193.320.000		Điều chỉnh giảm do đơn vị Thành phố Sóc Trăng không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.2	Thị xã Vĩnh Châu	261.062.440		0	261.062.440		
1.3	Thị xã Ngã Năm	486.050.000		0	486.050.000		
1.4	Huyện Thạnh Trị	9.900.000		0	9.900.000		
1.5	Huyện Mỹ Xuyên	600.413.084		-456.873.084	143.540.000		
1.6	Huyện Mỹ Tú	1.159.948.500		-1.159.948.500	0		Điều chỉnh giảm do các đơn vị không còn đủ đối tượng triển khai dự án
1.7	Huyện Châu Thành	518.974.000		-518.974.000	0		
1.8	Huyện Kế Sách	1.364.652.000		-1.364.652.000	0		
1.9	Huyện Cù Lao Dung	699.887.000		-699.887.000	0		
1.10	Huyện Long Phú	14.155.000		0	14.155.000		
1.11	Huyện Trần Đề	846.500.000		-846.500.000	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Trần Đề không còn đủ đối tượng triển khai dự án
2	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	264.000.000	4.000.000	-264.000.000	0	4.000.000	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	46.000.000	4.000.000	-46.000.000	0	4.000.000	Điều chỉnh giảm do các đơn vị không còn đủ đối tượng triển khai dự án
2.2	Huyện Kế Sách	218.000.000		-218.000.000	0	0	

3	Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững	4.768.025.769	70.531.700	-2.750.806.730	2.017.219.039	70.531.700	
3.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3.528.806.730	70.531.700	-2.548.806.730	980.000.000	70.531.700	Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ đối tượng triển khai dự án
3.2	Thành phố Sóc Trăng	168.989.025		0	168.989.025		
3.3	Thị xã Vĩnh Châu	276.600.000		0	276.600.000		
3.4	Thị xã Ngã Năm	0		0	0		
3.5	Huyện Thạnh Trị	21.216.014		0	21.216.014		
3.6	Huyện Mỹ Xuyên	99.472.000		0	99.472.000		
3.7	Huyện Mỹ Tú	0		0	0		
3.8	Huyện Châu Thành	0		0	0		
3.9	Huyện Kế Sách	22.440.000		0	22.440.000		
3.10	Huyện Cù Lao Dung	152.758.000		0	152.758.000		
3.11	Huyện Long Phú	295.744.000		0	295.744.000		
3.12	Huyện Trần Đề	202.000.000		-202.000.000	0		
V	Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	2.899.241.600	169.274.368	-1.159.655.800	1.739.585.800	169.274.368	
1	Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin	2.289.663.800	108.274.368	-874.995.800	1.414.668.000	108.274.368	
1.1	Sở Thông tin và Truyền thông	1.790.000	108.274.368	0	1.790.000	108.274.368	
1.2	Thành phố Sóc Trăng	335.000.000		0	335.000.000		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	535.205.800		-535.205.800	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị thị xã Vĩnh Châu không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.4	Thị xã Ngã Năm	163.678.000		0	163.678.000		
1.5	Huyện Thạnh Trị	189.560.000		0	189.560.000		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	368.000.000		0	368.000.000		
1.7	Huyện Mỹ Tú	222.430.000		-222.430.000	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Mỹ Tú không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.8	Huyện Châu Thành	306.000.000		0	306.000.000		

1.9	Huyện Kế Sách	0		0	0		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	0		0	0		
1.11	Huyện Long Phú	168.000.000		-117.360.000	50.640.000		Điều chỉnh giảm do đơn vị huyện Long Phú không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.12	Huyện Trần Đề	0		0	0		
2	Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo	609.577.800	61.000.000	-284.660.000	324.917.800	61.000.000	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	484.660.000	61.000.000	-484.660.000	0	61.000.000	Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.2	Thành phố Sóc Trăng	0		0	0		
2.3	Thị xã Vĩnh Châu	90.900.000		0	90.900.000		
2.4	Thị xã Ngã Năm	0		0	0		
2.5	Huyện Thạnh Trị	0		0	0		
2.6	Huyện Mỹ Xuyên	0		200.000.000	200.000.000		Điều chỉnh tăng từ Tiểu dự án 1 của Dự án 4
2.7	Huyện Mỹ Tú	0		0	0		
2.8	Huyện Châu Thành	0		0	0		
2.9	Huyện Kế Sách	34.017.800		0	34.017.800		
2.10	Huyện Cù Lao Dung	0		0	0		
2.11	Huyện Long Phú	0		0	0		
2.12	Huyện Trần Đề	0		0	0		
VI	Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá	1.237.131.202	99.000.000	-707.893.110	529.238.092	99.000.000	
1	Tiểu dự án 1. Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	471.597.482	83.000.000	-162.451.690	309.145.792	83.000.000	
1.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	129.748.996	83.000.000	-129.748.996	0	83.000.000	Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ nội dung triển khai dự án
1.2	Thành phố Sóc Trăng	130.419.694		-32.702.694	97.717.000		
1.3	Thị xã Vĩnh Châu	158.520.000		0	158.520.000		

1.4	Thị xã Ngã Năm	0		0	0		
1.5	Huyện Thạnh Trị	0		0	0		
1.6	Huyện Mỹ Xuyên	0		0	0		
1.7	Huyện Mỹ Tú	5.376.792		0	5.376.792		
1.8	Huyện Châu Thành	0		0	0		
1.9	Huyện Kế Sách	0		0	0		
1.10	Huyện Cù Lao Dung	12.728.000		0	12.728.000		
1.11	Huyện Long Phú	34.804.000		0	34.804.000		
1.12	Huyện Trần Đề	0		0	0		
2	Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá	765.533.720	16.000.000	-545.441.420	220.092.300	16.000.000	
2.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	393.420.250	16.000.000	-393.420.250	0	16.000.000	Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.2	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17.188.700		0	17.188.700		
2.3	Thành phố Sóc Trăng	48.785.000		0	48.785.000		
2.4	Thị xã Vĩnh Châu	76.199.100		0	76.199.100		
2.5	Thị xã Ngã Năm	0		0	0		
2.6	Huyện Thạnh Trị	0		0	0		
2.7	Huyện Mỹ Xuyên	0		0	0		
2.8	Huyện Mỹ Tú	142.790.000		-142.790.000	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.9	Huyện Châu Thành	30.537.500		0	30.537.500		
2.10	Huyện Kế Sách	9.231.170		-9.231.170	0		Điều chỉnh giảm do đơn vị không còn đủ nội dung triển khai dự án
2.11	Huyện Cù Lao Dung	3.425.000		0	3.425.000		
2.12	Huyện Long Phú	43.957.000		0	43.957.000		
2.13	Huyện Trần Đề	0		0	0		

*Ghi chú: Ngân sách cấp huyện đối ứng theo quy định, đảm bảo tối thiểu 10% ngân sách trung ương.